

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 35

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1000400095, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 30 tháng 10 năm 2006 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi với sửa đổi gần nhất là lần thứ 9 ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại sợi.

Công ty có trụ sở chính tại Lô A3, Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình và chi nhánh tại phòng 14-08B, tòa nhà Vincom, số 72 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Mạnh Thường	Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Toàn	Thành viên
Ông Phạm Thành Đông	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trịnh Tấn Hoàng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 3 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Mai	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 3 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Mai	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 6 tháng 3 năm 2015
Ông Trịnh Tấn Hoàng	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 6 tháng 3 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Mạnh Thường, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Mạnh Thường đã ủy quyền cho ông Trịnh Tấn Hoàng, Tổng Giám đốc để ký báo cáo tài chính của Công ty cho năm 2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Thay mặt Ban Giám đốc

Trịnh Tấn Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 2 năm 2016



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61153178/17685013 - Dec

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân ("Công ty"), được lập ngày 5 tháng 2 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trần Đình Cường
Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0135-2013-004-1

Nguyễn Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 2 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Phân loại lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		584.939.815.566	382.530.781.464
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	6.473.952.985	17.979.311.896
111	1. Tiền		5.964.015.190	11.327.374.408
112	2. Các khoản tương đương tiền		509.937.795	6.651.937.488
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		105.141.190.297	180.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	105.141.190.297	180.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		293.493.799.715	151.243.457.220
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	258.989.452.784	139.812.834.873
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	18.980.513.504	9.021.817.510
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	15.523.833.427	2.408.804.837
140	IV. Hàng tồn kho		179.631.986.970	32.813.449.063
141	1. Hàng tồn kho	8	179.631.986.970	32.813.449.063
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		198.885.599	494.563.285
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		198.885.599	494.563.285
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		891.393.194.015	179.172.086.800
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		290.945.418	-
211	1. Phải thu dài hạn khác		290.945.418	-
220	II. Tài sản cố định		852.387.000.146	178.170.446.550
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	852.387.000.146	178.170.446.550
222	Nguyên giá		1.001.503.856.960	290.175.924.675
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(149.116.856.814)	(112.005.478.125)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		21.415.163.195	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	21.415.163.195	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác		17.300.085.256	1.001.640.250
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	3.380.204.781	1.001.640.250
263	2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		13.919.880.475	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.476.333.009.581	561.702.868.264

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Phân loại lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		946.578.068.445	410.979.997.609
310	I. Nợ ngắn hạn		407.414.668.819	228.288.815.538
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	120.684.649.970	66.819.719.337
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		911.707.415	3.270.719.245
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	23.058.831.131	27.252.740.049
314	4. Phải trả người lao động		3.475.065.776	1.277.545.413
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	9.077.708.998	1.885.481.033
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	4.093.960.656	1.608.747.442
320	7. Vay ngắn hạn	16	246.112.744.873	126.173.863.019
330	II. Nợ dài hạn		539.163.399.626	182.691.182.071
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	14	120.599.813.893	41.877.293.988
338	2. Vay dài hạn	16	418.563.585.733	140.813.888.083
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		529.754.941.136	150.722.870.655
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	529.754.941.136	150.722.870.655
411	1. Vốn cổ phần đã góp		500.000.000.000	150.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		29.754.941.136	722.870.655
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế/(Lỗ lũy kế) đến cuối năm trước		722.870.655	(41.375.888.543)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		29.032.070.481	42.098.759.198
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.476.333.009.581	561.702.868.264

Hoàng Khắc Huy
Người lập

Nguyễn Đức Cảnh
Kế toán trưởng

Trịnh Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 2 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	18.1	963.105.680.787	839.275.778.006
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(259.058.864)	(254.952.000)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	18.1	962.846.621.923	839.020.826.006
11	4. Giá vốn hàng bán	19	(842.833.307.569)	(761.058.822.561)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		120.013.314.354	77.962.003.445
21	6. Doanh thu tài chính	18.2	10.449.628.573	3.371.699.238
22	7. Chi phí tài chính	20	(37.346.454.650)	(29.680.439.297)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(27.267.110.824)	(25.037.718.234)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(9.155.330.533)	(6.249.683.753)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(17.331.889.879)	(6.764.709.550)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		66.629.267.865	38.638.870.083
31	11. Thu nhập khác	23	15.039.722.104	6.331.377.310
32	12. Chi phí khác	23	(2.347.338.551)	(2.161.352.647)
40	13. Lợi nhuận khác		12.692.383.553	4.170.024.663
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		79.321.651.418	42.808.894.746
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	(9.439.580.980)	(710.135.548)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		69.882.070.438	42.098.759.198

Hoàng Khắc Huy
Người lập

Nguyễn Đức Cảnh
Kế toán trưởng

Trịnh Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 2 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		79.321.651.418	42.808.894.746
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao		33.358.061.834	19.361.209.374
04	Lỗi/(lỗi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.029.311.341	(1.160.113.495)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(9.102.406.169)	(411.446.402)
06	Chi phí lãi vay	20	27.267.110.824	25.037.718.234
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		131.873.729.248	85.636.262.457
09	Tăng các khoản phải thu		(134.281.144.253)	(11.566.303.169)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(126.901.931.321)	123.123.254.701
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		41.694.176.087	(54.767.756.709)
12	Tăng chi phí trả trước		(2.082.886.845)	(1.100.960.338)
14	Tiền lãi vay đã trả		(35.633.793.791)	(26.628.818)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		70.000.000.000	-
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(70.000.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(125.331.850.874)	141.297.868.124
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(23.624.160.227)	(2.371.360.893)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(76.063.288.741)	(217.873.062.512)
24	Tiền thu hồi cho vay		120.902.098.444	39.373.062.512
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay		7.672.561.923	411.446.402
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		28.887.211.399	(180.459.914.491)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ nhận vốn góp chủ sở hữu		28.777.829.794	-
33	Tiền thu từ đi vay		834.808.178.220	417.284.322.859
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(767.816.415.466)	(388.289.258.392)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.830.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		84.939.592.548	28.995.064.467

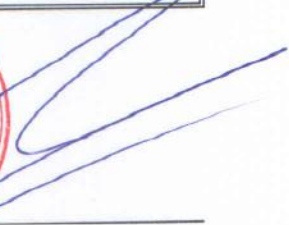
BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(11.505.046.927)	(10.166.981.900)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		17.979.311.896	28.146.293.796
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(311.984)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	6.473.952.985	17.979.311.896


Hoàng Khắc Huy
Người lập


Nguyễn Đức Cảnh
Kế toán trưởng


Trịnh Tân Hoàng
Tổng Giám đốc



Ngày 5 tháng 2 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân ("Công ty"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1000400095, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 30 tháng 10 năm 2006 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi với sửa đổi gần nhất là lần thứ 9 ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại sợi.

Công ty có trụ sở chính tại Lô A3, Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình và chi nhánh tại phòng 14-08B, tòa nhà Vincom, số 72 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 912 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 307 nhân viên).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VNĐ).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp như sau:

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 28.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa thương mại - Chi phí mua thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 22 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 15 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Một số loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần trong vòng 2 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư.
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tiền mặt	145.946.276	146.977.707
Tiền gửi ngân hàng (*)	5.818.068.914	11.180.396.701
Các khoản tương đương tiền (**)	509.937.795	6.651.937.488
TỔNG CỘNG	6.473.952.985	17.979.311.896

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 16).

(**) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HD Bank") - Chi nhánh Hải Phòng với kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất 4,6%/năm. Khoản tương đương tiền này đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 16).

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Phân loại lại)
Các khoản cho các bên liên quan vay (Thuyết minh số 26)	105.141.190.297	180.000.000.000
TỔNG CỘNG	105.141.190.297	180.000.000.000

Chi tiết các khoản cho các bên liên quan vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Bên đi vay	Số dư tại 31 tháng 12 năm 2015 (VNĐ)	Thời hạn và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	49.304.076.297	30 tháng 9 năm 2016	8%	3.500.000 cổ phần trong Công ty của ông Lê Mạnh Thường (cổ đông chính của Công ty) theo hợp đồng thế chấp cổ phần số 09/2015/HĐCC-01 ngày 30 tháng 9 năm 2015
Ông Phạm Thành Đông (*)	27.918.557.000	24 tháng 9 năm 2016	7%	1.500.000 cổ phần trong Công ty của ông Phạm Thành Đông (cổ đông của Công ty) theo hợp đồng thế chấp cổ phần số 09/2015/HĐCC-02 ngày 25 tháng 9 năm 2015
Ông Phạm Ngọc Toàn (*)	27.918.557.000	24 tháng 9 năm 2016	7%	1.500.000 cổ phần trong Công ty của ông Phạm Ngọc Toàn (cổ đông của Công ty) theo hợp đồng thế chấp cổ phần số 09/2015/HĐCC-03 ngày 25 tháng 9 năm 2015
	105.141.190.297			

Nghiệp vụ cho các bên liên quan vay của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu khách hàng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Đơn vị tính: VNĐ		
Phải thu từ khách hàng ngắn hạn	159.455.602.059	42.524.115.708
<i>Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư</i> <i>Nguyễn Đức</i>	35.914.244.048	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú</i> <i>Việt</i>	29.844.740.000	-
<i>Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh</i> <i>Phúc</i>	22.200.326.281	-
<i>Công ty Chongqing Yangfan Trading</i> <i>Company Limited</i>	3.728.401.853	12.976.542.979
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	67.767.889.877	29.547.572.729
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	99.533.850.725	97.288.719.165
TỔNG CỘNG	258.989.452.784	139.812.834.873

6.2 Trả trước cho người bán

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Đơn vị tính: VNĐ		
Trả trước cho người bán ngắn hạn	12.118.583.392	9.021.817.510
<i>Phạm Ngọc Tuyên (nhà thầu xây dựng cá</i> <i>nhân)</i>	4.400.000.000	-
<i>Lê Văn Kỳ (nhà thầu xây dựng cá nhân)</i>	4.400.000.000	-
<i>Công ty TNHH Thương mại Hoàng Khang Gia</i>	-	7.171.031.736
<i>Các người bán khác</i>	3.318.583.392	1.850.785.774
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 26)	6.861.930.112	-
TỔNG CỘNG	18.980.513.504	9.021.817.510

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Phân loại lại)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng cho nhân viên	5.456.935.288	-	-	-
Lãi phạt khách hàng trả chậm	1.429.844.246	-	-	-
Lãi cho cổ đông vay	1.055.782.303	-	-	-
Ký quỹ, ký cược (*)	7.581.271.590	-	2.408.397.193	-
Phải thu khác	-	-	407.644	-
	15.523.833.427	-	2.408.804.837	-
Trong đó:				
Phải thu khác	13.038.206.878		2.408.804.837	
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	2.485.626.549		-	

(*) Khoản ký cược, ký quỹ tại HD Bank - Chi nhánh Hải Phòng với tổng số tiền là 7.581.271.590 VNĐ được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này (Thuyết minh số 16).

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	25.324.912.263	-	7.232.181.274	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	48.590.300.897	-	807.983.064	-
Công cụ và phụ tùng thay thế	17.830.690.964	-	1.521.268.600	-
Phế liệu thu hồi	1.079.784.218	-	652.470.120	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.734.599.279	-	3.163.039.156	-
Thành phẩm	61.284.908.863	-	16.887.863.210	-
Hàng hóa	15.786.790.486	-	2.548.643.639	-
TỔNG CỘNG	179.631.986.970	-	32.813.449.063	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có một số hàng tồn kho được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (xem chi tiết tại Thuyết minh số 16).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị tính: VNĐ				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	13.105.882.323	276.651.860.534	418.181.818	-	290.175.924.675
Nhận góp vốn bằng tài sản (*)	152.308.030.974	552.104.204.558	-	-	704.412.235.532
Mua tài sản mới	-	5.648.424.025	1.203.636.364	63.636.364	6.915.696.753
Số dư cuối năm	165.413.913.297	834.404.489.117	1.621.818.182	63.636.364	1.001.503.856.960
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số dư đầu năm	5.569.229.534	106.398.975.865	37.272.726	-	112.005.478.125
Khấu hao trong năm	3.090.086.514	33.912.038.387	105.939.394	3.314.394	37.111.378.689
Số dư cuối năm	8.659.316.048	140.311.014.252	143.212.120	3.314.394	149.116.856.814
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	7.536.652.789	170.252.884.669	380.909.092	-	178.170.446.550
Số dư cuối năm	156.754.597.249	694.093.474.865	1.478.606.062	60.321.970	852.387.000.146

(*) Theo Biên bản góp vốn ngày 16 tháng 9 năm 2015, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường góp vốn vào Công ty bằng tài sản với giá trị thống nhất giữa các bên là 704.412.235.532 VNĐ, bao gồm (1) tòa nhà văn phòng trụ sở với giá trị góp vốn là 16.878.109.728 VNĐ, (2) nhà máy kéo sợi OE công suất 1.740 tấn/năm và nhà máy kéo sợi PE công suất 2.000 tấn/năm (nhà máy Đại Cường 1) với giá trị góp vốn là 145.829.967.419 VNĐ và (3) nhà máy kéo sợi công suất 8.700 tấn/năm (nhà máy Đại Cường 5) với giá trị góp vốn là 541.704.178.385 VNĐ. Đồng thời với việc Công ty nhận vốn góp bằng tài sản từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường, Công ty cũng kế thừa nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay (nguồn hình thành các tài sản góp vốn) như trình bày tại Thuyết minh số 14 và Thuyết minh số 16. Theo đó, các tài sản nhận góp vốn này cũng tiếp tục được Công ty sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay được kế thừa này của Công ty như được trình bày trong Thuyết minh số 16.

Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, một số tài sản cố định của Công ty là nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất thuộc nhà máy kéo sợi công suất 4.500 tấn/năm (nhà máy Đức Quân 2) đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam ("VDB") - chi nhánh Thái Bình và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") – chi nhánh Bắc Hà Nội như được trình bày trong Thuyết minh số 16.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Dự án Nhà máy kéo sợi Đức Quân 6 (*)	10.275.704.633	-
Hệ thống phần mềm SAP và server (**)	11.139.458.562	-
TỔNG CỘNG	21.415.163.195	-

(*) Dự án Nhà máy kéo sợi Đức Quân 6 được triển khai tại Khu công nghiệp Khí mỏ Tiền Hải, tỉnh Thái Bình và khởi công từ tháng 4 năm 2015 với tổng mức đầu tư 505.749.772.160 VNĐ, dự kiến hoàn thành xây dựng cơ bản và đưa nhà máy đi vào hoạt động trong năm 2016.

(**) Theo biên bản góp vốn ngày 29 tháng 12 năm 2015 và biên bản giao nhận tài sản góp vốn ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường đã góp vốn vào Công ty bằng chi phí đầu tư hệ thống phần mềm SAP và server đi kèm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty vẫn đang trong quá trình phát triển tiếp hệ thống này trước khi đưa vào vận hành chính thức.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.380.204.781	1.001.640.250
TỔNG CỘNG	3.380.204.781	1.001.640.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	120.684.649.970	120.684.649.970	66.317.460.811	66.317.460.811
Công ty Ecom Agroindustrial Corporation Limited	62.685.852.975	62.685.852.975	-	-
Công ty Toyoshima Company Limited	17.426.244.825	17.426.244.825	-	-
Công ty Uday Cotton Industries	15.857.291.250	15.857.291.250	-	-
Công ty Paul Reinhart AG Limited	7.011.643.725	7.011.643.725	12.766.896.338	12.766.896.338
Công ty Olam International Limited	-	-	17.729.717.760	17.729.717.760
Công ty Ecom Groindustrial Asia Pte. Ltd.	-	-	11.967.237.923	11.967.237.923
Công ty CDI Cotton Distributors Incorporation	-	-	11.713.683.825	11.713.683.825
Công ty Cổ Phần Dệt sợi DamSan	-	-	9.249.764.273	9.249.764.273
Các người bán khác	17.703.617.195	17.703.617.195	2.890.160.692	2.890.160.692
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	-	-	502.258.526	502.258.526
TỔNG CỘNG	120.684.649.970	120.684.649.970	66.819.719.337	66.819.719.337

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/cần trừ trong năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Thuế giá trị gia tăng	26.542.604.501	28.768.208.268	43.121.890.474	12.188.922.296
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25)	710.135.548	9.439.580.980	-	10.149.716.528
Thuế thu nhập cá nhân	-	720.192.307	-	720.192.307
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
TỔNG CỘNG	27.252.740.049	38.930.981.555	43.124.890.474	23.058.831.131

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Phân loại lại)
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	7.217.644.362	997.349.192
Các khoản khác	1.860.064.636	888.131.841
Tổng cộng	9.077.708.998	1.885.481.033
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	120.599.813.893	41.877.293.988
Tổng cộng	120.599.813.893	41.877.293.988

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.636.173.910	651.462.521
Kinh phí công đoàn	210.033.000	97.508.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.247.753.746	859.776.921
TỔNG CỘNG	4.093.960.656	1.608.747.442

16. VAY VÀ NỢ

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng	199.582.744.873	119.018.863.019
Vay dài hạn đến hạn trả	46.530.000.000	7.155.000.000
	246.112.744.873	126.173.863.019
Vay dài hạn		
Vay ngân hàng	418.563.585.733	140.813.888.083
	418.563.585.733	140.813.888.083

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. **VAY VÀ NỢ** (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2015					
Bên cho vay/Hợp đồng vay	VND tương đương	Gốc nguyên tệ	Thời hạn và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
HD Bank - Chi nhánh Hải Phòng					
Hợp đồng vay số 0597HĐTDHM-DN/099 ngày 30 tháng 3 năm 2015	55.172.581.100	2.438.100 USD	12 tháng, đáo hạn ngày 30 tháng 3 năm 2016	2,8% - 5,5%	- Tiền gửi, tiền ký quỹ của Công ty tại Ngân hàng HD Bank – Chi nhánh Hải Phòng; - Hàng hóa nhập khẩu của Công ty là bông, xơ được thanh toán hoặc bảo lãnh thư tín dụng qua HD bank – Chi nhánh Hải Phòng; - Thành phẩm tại kho chờ xuất khẩu của Công ty; - Máy móc thiết bị tại phân xưởng sản xuất sợi OE (thuộc nhà máy Đại Cường 1) và toàn bộ lợi ích và phần giá trị tài sản tăng thêm gắn liền với các tài sản này; - Đất và tài sản gắn liền với đất là phân xưởng sản xuất sợi OE (thuộc nhà máy Đại Cường 1) tại Khu Công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 634072 do UBND tỉnh Thái Bình cấp ngày 24 tháng 6 năm 2013 (đúng tên Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường).
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Bắc Hà Nội					
Hợp đồng vay số 01/2015/1497403 /HĐTD ngày 8 tháng 6 năm 2015	140.343.849.863 4.066.313.910	140.343.849.863 VND 177.300 USD	12 tháng, đáo hạn ngày 4 tháng 6 năm 2016	7% 4,3% - 5%	- Số dư tài khoản tiền gửi của Công ty mở tại ngân hàng; - Các khoản thu từ các hợp đồng kinh tế mà Công ty là người thụ hưởng; - Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển và các khoản phải thu, quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ hợp đồng xuất khẩu; - Dây chuyền máy móc thiết bị và xây dựng nhà xưởng của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm); - Các tài sản đảm bảo khác của Công ty và bên thứ ba.
199.582.744.873					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. **VAY VÀ NỢ** (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2015					
Bên cho vay/Hợp đồng vay	VND	Gốc nguyên tệ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	tương đương				
Ngân hàng VDB – Chi nhánh Thái Bình					
Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước số 03/2007/HĐTD ngày 10 tháng 1 năm 2007 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03/2014/HĐTDĐT-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014; Hợp đồng vay vốn ODA KFW số 01/2007/PL/HĐTD ngày 13 tháng 6 năm 2007 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01A/2014/HĐODA-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014 Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	95.244.761.349	95.244.761.349 VNĐ	Lãi và gốc trả theo tháng bắt đầu từ tháng 1 năm 2015 đến tháng 1 năm 2023 (*)	7,8%-9%	▶ Tài sản hình thành sau đầu tư từ nguồn vốn tự có và vốn vay của Ngân hàng VDB – Chi nhánh Thái Bình là Nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm) của Công ty; ▶ Tài sản thế chấp khác của Công ty tương đương tối thiểu 10% tổng số vốn vay để bảo đảm tiền vay.
Hợp đồng số 08/2008/HĐTD ký ngày 26 tháng 3 năm 2008 (*) Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	205.304.527.000	205.304.527.000 VNĐ	Lãi và gốc trả hàng quý, bắt đầu từ quý 3/2015 đến hết tháng 1 năm 2025	6,9%	
Hợp đồng số 01/2011/HĐTDDT-NHPT ký ngày 28 tháng 1 năm 2011 (*) Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	82.400.000.000	82.400.000.000 VNĐ	Lãi và gốc trả hàng quý, bắt đầu từ quý 3/2015 đến hết tháng 1 năm 2025	9,6%	▶ Hệ thống máy móc, thiết bị hình thành sau đầu tư (bao gồm cả vốn vay và vốn tự có) của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Đại Cường 5 (công suất 8.700 tấn/năm); ▶ Hoa lợi và lợi tức từ tài sản thế chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
	VNĐ				
Bên cho vay/Hợp đồng vay	tương đương	Gốc nguyên tệ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Bắc Hà Nội					
Hợp đồng tín dụng số 150/2007/0320 ngày 6 tháng 3 năm 2007	33.910.000.000	33.910.000.000 VNĐ	Lãi và gốc trả hàng quý, kỳ trả gốc cuối là quý 4 năm 2018	9,3%	▶ Toàn bộ tài sản hình thành từ nguồn vốn vay là Nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm) của Công ty; ▶ Nguồn thu từ các hợp đồng kinh tế phát sinh mà Công ty là bên thụ hưởng; ▶ Toàn bộ số dư tài khoản của Công ty tại Ngân hàng.
	8.202.057.384	363.889 USD		6,25%	
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	13.830.000.000				
Hợp đồng số 150/2006/151 ký ngày 13 tháng 2 năm 2006 (*)	27.500.000.000	27.500.000.000 VNĐ	Gốc trả hàng quý, lãi trả ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả gốc cuối là quý 4 năm 2017	10,3%	▶ Tài sản hình thành từ vốn vay gồm nhà xưởng và máy móc thiết bị của phân xưởng PE (thuộc nhà máy Đại Cường 1) của Công ty; ▶ Tài khoản tiền gửi tại Ngân; ▶ Các khoản phải thu từ các hợp đồng kinh tế phát sinh mà Công ty là bên thụ hưởng.
	12.532.240.000	556.000 USD		6,3%	
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	17.500.000.000				
TỔNG CỘNG	465.093.585.733				
Trong đó:					
Vay dài hạn	418.563.585.733				
Vay dài hạn đến hạn trả	46.530.000.000				

- (*) Theo thỏa thuận giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường ngày 16 tháng 9 năm 2015, Công ty đã kế thừa toàn bộ các khoản vay (bao gồm cả gốc và lãi chưa trả) tương ứng với các tài sản nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường (như được đề cập trong các Thuyết minh số 9 và 14) và có hiệu lực từ ngày nhận vốn góp. Sau đó, Công ty đã chính thức ký kết Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp đồng tín dụng số 05/2015/HĐTD-NHPT với Ngân hàng VDB – Chi nhánh Thái Bình vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và hợp đồng Thế chấp tài sản số 01/2016/HĐTCTS-NHPT vào ngày 8 tháng 1 năm 2016. Đồng thời, Công ty cũng đã ký kết chính thức Hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ nợ vay dài hạn số 150/1497403/HĐ/01 với Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Bắc Hà Nội vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và đang tiến hành các thủ tục để ký kết hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Bắc Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Vốn cổ phần đã góp</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)</i>	<i>Tổng cộng</i>
Năm trước			
Số dư đầu năm	150.000.000.000	(41.375.888.543)	108.624.111.457
Lợi nhuận thuần trong năm	-	42.098.759.198	42.098.759.198
Số cuối năm	150.000.000.000	722.870.655	150.722.870.655
Năm nay			
Số dư đầu năm	150.000.000.000	722.870.655	150.722.870.655
Tăng vốn (*)	350.000.000.000	-	350.000.000.000
Cổ tức công bố (**)	-	(40.850.000.000)	(40.850.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	69.882.070.481	69.882.070.481
Số cuối năm	500.000.000.000	29.754.941.136	529.754.941.136

(*) Theo biên bản góp vốn ngày 16 tháng 9 năm 2015, biên bản bàn giao tài sản góp vốn ngày 16 tháng 9 năm 2015 và biên bản thỏa thuận kế thừa nợ vay ngày 16 tháng 9 năm 2015, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường đã góp vốn vào Công ty bằng giá trị tài sản thuần bao gồm (1) tài sản cố định hữu hình với tổng giá trị góp vốn là 704.412.235.532 VNĐ (Thuyết minh số 9) và (2) các khoản vay tài trợ tài sản cố định góp vốn (bao gồm cả gốc và lãi) với tổng số dư tại ngày góp vốn là 424.412.235.532 VNĐ (các Thuyết minh số 14 và 16). Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 8 ngày 16 tháng 9 năm 2015 cho việc tăng vốn này.

Theo biên bản góp vốn ngày 29 tháng 12 năm 2015 và biên bản giao nhận tài sản góp vốn ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường đã góp vốn vào Công ty bằng tiền 28.777.829.794 VNĐ và bằng tài sản gồm: (1) chi phí đầu tư hệ thống phần mềm SAP và server với giá trị góp vốn là 11.139.458.562 VNĐ (Thuyết minh số 10) và (2) kho phụ tùng thiết bị với giá trị góp vốn là 30.083.170.206 VNĐ. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 9 ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho việc tăng vốn này.

(**) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 21 tháng 9 năm 2015 của Công ty, Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015 tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 với tổng số tiền là 40.850.000.000 VNĐ cho các cổ đông (bao gồm cả Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường) theo tỷ lệ 9,5% mệnh giá cổ phần nắm giữ tại ngày chốt cổ tức (là ngày 21 tháng 9 năm 2015). Ngoài ra, phương thức chi trả số cổ tức này được các cổ đông thống nhất thực hiện như sau:

- ▶ Phần cổ tức phải trả cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường (26,6 tỷ VNĐ) được cân trừ với khoản cho công ty này vay theo biên bản thỏa thuận giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường ngày 30 tháng 9 năm 2015.
- ▶ Phần cổ tức phải trả cho hai cổ đông cá nhân (là ông Phạm Thành Đông và ông Phạm Ngọc Toàn) được cân trừ với khoản Công ty cho các cổ đông cá nhân này vay theo biên bản thỏa thuận giữa Công ty và các cổ đông cá nhân này ngày 30 tháng 9 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Cổ phiếu

	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị (VNĐ)</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị (VNĐ)</u>
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	50.000.000	500.000.000.000	15.000.000	150.000.000.000
	<u>50.000.000</u>	<u>500.000.000.000</u>	<u>15.000.000</u>	<u>150.000.000.000</u>
Trong đó:				
Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	500.000.000.000	15.000.000	150.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ/cổ phiếu.

Như đã đề cập tại Thuyết minh số 5, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

- ▶ 3.500.000 cổ phiếu của Ông Lê Mạnh Thường đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo đối với khoản Công ty cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường vay; và
- ▶ Toàn bộ cổ phiếu của Ông Phạm Thành Đông và Ông Phạm Ngọc Toàn được sử dụng làm tài sản đảm bảo đối với khoản Công ty cho hai cổ đông cá nhân này vay.

Trong suốt thời hạn khoản cho vay, các cổ phiếu này sẽ không được phép chuyển nhượng hoặc sử dụng cho mục đích kinh tế khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	963.105.680.787	839.275.778.006
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm Công ty tự sản xuất	465.910.702.095	409.849.526.070
Doanh thu bán thành phẩm qua gia công bởi bên liên quan	257.051.249.709	-
Doanh thu bán nguyên liệu, hàng hóa và phế liệu	240.143.728.983	429.426.251.936
Các khoản giảm trừ doanh thu	259.058.864	254.952.000
Giảm giá hàng bán	259.058.864	254.952.000
Doanh thu thuần	962.846.621.923	839.020.826.006
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần bán thành phẩm Công ty tự sản xuất	465.651.643.231	409.594.574.070
Doanh thu thuần bán thành phẩm qua gia công bởi bên liên quan	257.051.249.709	-
Doanh thu thuần bán nguyên liệu và hàng hóa	240.143.728.983	429.426.251.936
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	781.848.720.057	520.172.905.717
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	180.997.901.866	318.847.920.289

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi và cho vay	138.028.907	411.446.402
Lãi cho vay ngắn hạn	8.964.377.262	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.347.222.404	2.960.252.836
TỔNG CỘNG	10.449.628.573	3.371.699.238

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm tự sản xuất đã bán	395.934.221.798	369.673.594.165
Giá vốn của thành phẩm qua gia công bởi bên liên quan	220.863.012.579	-
Giá vốn của nguyên vật liệu, hàng hóa và phế liệu đã bán	226.036.073.192	391.385.228.396
TỔNG CỘNG	842.833.307.569	761.058.822.561

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	27.267.110.824	25.037.718.234
Chiết khấu thanh toán cho khách hàng	-	1.517.810
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.079.343.826	4.641.203.253
TỔNG CỘNG	37.346.454.650	29.680.439.297

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Phí vận chuyển	4.341.917.988	3.560.867.155
Phí nâng hạ	1.824.914.733	1.279.134.354
Phí dịch vụ hỗ trợ thủ tục xuất khẩu	801.009.834	266.406.033
Chi phí hoa hồng	1.560.785.978	484.062.782
Chi phí bảo hiểm	626.702.000	659.213.429
TỔNG CỘNG	9.155.330.533	6.249.683.753

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Lương và phúc lợi cho người lao động	3.995.446.736	1.144.577.126
Phí ngân hàng	4.847.031.793	1.993.339.624
Phí dịch vụ bảo vệ	1.578.040.000	468.015.000
Phí dịch vụ tư vấn	1.527.563.228	1.802.579.092
Phí thuê hạ tầng	706.090.546	302.304.000
Phí bảo hiểm	398.348.833	158.866.473
Chi phí khác	4.279.368.743	895.028.235
TỔNG CỘNG	17.331.889.879	6.764.709.550

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Lãi vay được miễn bởi ngân hàng	5.794.341.549	5.021.210.146
Lãi phạt trả chậm đối với khách hàng là bên liên quan	5.464.844.246	-
Thu tiền bông giao hàng thiếu từ nhà cung cấp	3.099.630.255	644.110.486
Cho thuê máy móc	277.587.000	-
Thu từ bồi thường bảo hiểm	82.204.000	663.626.023
Thu nhập khác	321.115.054	2.430.655
	15.039.722.104	6.331.377.310
Chi phí khác		
Chi phí khác	2.347.338.551	2.161.352.647
	2.347.338.551	2.161.352.647

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu và hàng hóa	711.706.899.713	693.719.616.011
Chi phí nhân công	20.771.767.308	16.093.152.845
Chi phí khấu hao	33.358.061.834	22.489.025.744
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.463.807.365	35.988.253.316
Chi phí khác	52.366.446.411	35.463.607.246
TỔNG CỘNG	906.666.982.631	803.753.655.162

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho dự án nhà máy kéo sợi 4,500 tấn – Đại Cường 2 của Công ty là 15% lợi nhuận chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoạt động (là năm 2009). Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 08201000002 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Bình cấp ngày 4 tháng 1 năm 2007, Công ty được miễn thuế TNDN trong vòng 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (là năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009) và được giảm 50% thuế TNDN trong vòng 7 năm tiếp theo.

Trong tháng 9 năm 2015, Công ty đã nhận bàn giao tài sản góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường và thực hiện kế thừa ưu đãi thuế tương ứng với dự án đầu tư các tài sản này như sau:

- ▶ Dự án Xưởng kéo sợi OE công suất 1.740 tấn/năm và Dự án Xưởng kéo sợi PE công suất 2.000 tấn/năm (thuộc Nhà máy Đại Cường 1): thuế suất ưu đãi 15% trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên Dự án hoạt động (năm 2004), được miễn thuế TNDN trong vòng 6 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế hoặc năm thứ tư có doanh thu (Dự án chưa có lợi nhuận chịu thuế, năm thứ tư có doanh thu là năm 2007) và được giảm 50% thuế TNDN trong vòng 8 năm tiếp theo.
- ▶ Dự án Nhà máy Đại Cường 5 công suất 8.700 tấn/năm: thuế suất ưu đãi 15% trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên Dự án hoạt động (năm 2012), được miễn thuế TNDN trong vòng 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế hoặc năm thứ tư có doanh thu (Dự án chưa có lợi nhuận chịu thuế, năm thứ tư có doanh thu là năm 2015) và được giảm 50% thuế TNDN trong vòng 5 năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận kế toán và lợi nhuận chịu thuế của Công ty.

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	79.321.651.418	42.808.894.746
Các khoản điều chỉnh tăng		
Các chi phí không được khấu trừ	2.234.448.932	2.695.001.436
Các khoản điều chỉnh giảm		
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền và các khoản phải thu	(24.370.361)	
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa căn trừ lỗ năm trước	81.531.729.990	45.503.896.182
Lỗ các năm trước chuyển sang (*)	-	(36.035.422.215)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	81.531.729.990	9.468.473.967
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập hưởng thuế suất ưu đãi 7,5%	41.751.648.877	9.468.473.967
Thu nhập chịu thuế suất phổ thông 22%	28.673.669.609	-
Thu nhập được miễn thuế	11.106.411.503	-
Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ hiện hành	9.439.580.980	710.135.548
Thuế TNDN phải trả đầu năm	710.135.548	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	-
Thuế TNDN phải trả cuối năm (Thuyết minh số 13)	10.149.716.528	710.135.548

(*) Công ty đã được cơ quan thuế địa phương thanh tra số liệu tới ngày 30 tháng 9 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

				Đơn vị tính: VNĐ	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	Cổ đông	Bán thành phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu, phế liệu	43.434.024.606	319.262.008.310	
		Cho vay ngắn hạn	17.518.674.741	180.000.000.000	
		Cần trừ công nợ phải thu, phải trả	22.368.437.426	-	
		Cần trừ khoản cho vay với phí gia công và tiền chia cổ tức	40.583.634.909	-	
		Tiền lãi vay phải thu	7.908.594.959	-	
		Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	33.142.376.610	54.647.225.270	
		Mua dịch vụ gia công	37.993.147.191	15.090.033.619	
		Nhận tiền vay	-	3.220.000.000	
		Trả tiền vay	-	4.613.952.200	
		Vay vật liệu phụ, phụ tùng	46.606.984.752	1.694.050.545	
		Trả lại vật liệu phụ, phụ tùng	46.606.984.752	3.336.337.548	
		Góp vốn bằng tiền và tài sản	350.000.000.000	-	
		Chia cổ tức	26.600.000.000	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	Công ty có liên quan	Bán thành phẩm, hàng hóa	124.258.039.750	7.641.040.679	
		Mua nguyên vật liệu	73.854.996.634	24.104.307.360	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tân Phú	Công ty có liên quan	Bán thành phẩm	13.305.837.510	-	
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Dacutex	Công ty có liên quan	Bán thành phẩm	-	15.304.488.563	
		Mua tài sản	-	1.118.991.725	
		Ghi nhận lãi trả chậm phải thu	1.170.333.530		
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Phú Hoàng Phát	Công ty có liên quan	Bán thành phẩm, hàng hóa	-	4.586.894.900	
		Mua nguyên vật liệu	-	6.687.718.500	
Chi nhánh Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Phú Hoàng Phát	Bên liên quan khác	Bán thành phẩm, hàng hóa	-	2.142.022.400	
Công ty Cổ phần Tân An	Công ty có liên quan	Bán thành phẩm, hàng hóa	-	29.184.443.376	
		Ghi nhận lãi trả chậm phải thu	4.294.510.716		
Ông Lê Mạnh Thường	Cổ đông	Chia cổ tức	10.830.000.000	-	
		Chi tạm ứng	70.000.000.000	-	
		Cần trừ tiền tạm ứng với khoản phải trả khác	625.386.912	-	
Ông Phạm Thành Đông	Cổ đông	Cho vay ngắn hạn	29.272.307.000	-	
		Chia cổ tức, cần trừ với khoản cho vay	1.353.750.000	-	
		Ghi nhận lãi phải thu	527.891.151	-	
Ông Phạm Ngọc Toàn	Cổ đông	Cho vay ngắn hạn	29.272.307.000	-	
		Chia cổ tức, cần trừ với khoản cho vay	1.353.750.000	-	
		Ghi nhận lãi vay phải thu	527.891.151	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch mua bán với các bên liên quan được thực hiện trên nguyên tắc đàm phán hợp đồng dựa trên giá thị trường tại cùng thời điểm.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm lập báo cáo tài chính không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cần trừ công nợ. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (Ngày 31 tháng 12 năm 2014: không trích). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 5)				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	Cổ đông	Cho vay ngắn hạn	49.304.076.297	180.000.000.000
Ông Phạm Thành Đông	Cổ đông	Cho vay ngắn hạn	27.918.557.000	-
Ông Phạm Ngọc Toàn	Cổ đông	Cho vay ngắn hạn	27.918.557.000	-
			105.141.190.297	180.000.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	Cổ đông	Bán hàng hóa	-	14.778.860.693
Công ty Cổ phần Tân An	Bên liên quan khác	Bán hàng hóa	37.715.160.725	59.103.241.828
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Dacutex	Bên liên quan khác	Bán hàng hóa	8.461.687.684	16.473.917.684
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Tân Phú	Bên liên quan khác	Bán hàng hóa	14.218.237.796	3.466.972.008
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	Bên liên quan khác	Bán hàng hóa	39.138.764.520	-
Công ty TNHH Vĩnh Phát	Bên liên quan khác	Bán hàng hóa	-	3.465.726.952
			99.533.850.725	97.288.719.165
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)				
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	Bên liên quan khác	Trả trước tiền mua hàng hóa	6.861.930.112	-
			6.861.930.112	-
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Ông Phạm Thành Đông	Cổ đông	Lãi vay ngắn hạn	527.891.151	-
Ông Phạm Ngọc Toàn	Cổ đông	Lãi vay ngắn hạn	527.891.151	-
Công ty Cổ phần Tân An	Bên liên quan khác	Lãi phạt thanh toán chậm	844.510.716	-
Công ty Cổ phần Thương mại xuất nhập khẩu Dacutex	Bên liên quan khác	Lãi phạt thanh toán chậm	585.333.530	-
			2.485.626.549	-
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 12)				
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	Bên liên quan khác	Mua hàng hóa	-	502.258.526
			-	502.258.526

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Ban Giám đốc:

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	396.000.000	192.000.000
TỔNG CỘNG	396.000.000	192.000.000

27. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê đất

Công ty thuê đất để xây dựng nhà máy kéo sợi từ chính quyền địa phương theo các hợp đồng thuê hoạt động với điều khoản trả tiền thuê đất hàng năm. Theo Quyết định số 2408/QĐ-CT của Cục thuế tỉnh Thái Bình ngày 8 tháng 12 năm 2014, Công ty được ưu đãi miễn tiền thuê đất từ năm 2014 đến hết năm 2019 đối với khu đất xây dựng nhà máy Đức Quân 2.

Ngoài ra, trong tháng 9 năm 2015, Công ty đã nhận vốn góp từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường là Nhà máy Đại Cường 1 và Nhà máy Đại Cường 5. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ phải trả đối với tiền thuê đất của hai nhà máy này từ ngày nhận bàn giao tài sản. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường đang trong quá trình hoàn tất thủ tục ký kết hợp đồng thuê đất mới dưới tên Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân. Theo Thông báo số 3151/TB-CT của Cục thuế tỉnh Thái Bình ngày 26 tháng 12 năm 2014, toàn bộ mảnh đất tại lô A1 và C1, Khu công nghiệp Tiên Hải (Nhà máy Đại Cường 5 được xây dựng trên một phần mảnh đất này) được hưởng ưu đãi miễn tiền thuê đất từ tháng 1 năm 2014 tới hết tháng 11 năm 2018. Mảnh đất xây dựng Nhà máy Đại Cường 1 không được ưu đãi miễn tiền thuê đất.

Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có cam kết về tiền thuê đất phải trả trong tương lai theo thời hạn hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Dưới 1 năm	76.867.721	-
Từ 2 - 5 năm	2.407.847.442	-
Trên 5 năm	26.008.372.382	6.198.765.899
TỔNG CỘNG	28.493.087.545	6.198.765.899

Các cam kết về chi phí xây dựng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các cam kết về chi phí xây dựng và mua máy móc thiết bị theo hợp đồng với các nhà thầu với số tiền khoảng 209.323.281.927 VNĐ.

Cam kết mua hàng

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các cam kết mua hàng theo các hợp đồng kinh tế với giá trị là 30.928.727.000 VNĐ và dự kiến thực hiện và thanh toán trong năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được phân loại lại cho phù hợp và nhất quán với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 (đề cập trong Thuyết minh số 3.1) trên báo cáo tài chính của năm nay. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Khoản mục	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được phân loại lại)
Bảng cân đối kế toán			
Đầu tư ngắn hạn	180.000.000.000	(180.000.000.000)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	180.000.000.000	180.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	407.644	2.408.397.193	2.408.804.837
Tài sản ngắn hạn khác	2.408.397.193	(2.408.397.193)	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	43.762.775.021	(41.877.293.988)	1.885.481.033
Chi phí phải trả dài hạn	-	41.877.293.988	41.877.293.988

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính của Công ty.

Hoàng Khắc Huy
Người lập

Nguyễn Đức Cảnh
Kế toán trưởng

Trịnh Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 2 năm 2016